

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. E-HSDT đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí đánh giá là đạt

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Tư cách pháp nhân của đơn vị cung cấp	Có đăng ký kinh doanh ngành nghề: chăn nuôi, mua bán gia súc, sản xuất/kinh doanh giống vật nuôi (<i>nhà thầu đính kèm tài liệu để chứng minh</i>).	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trên hoặc HSDT không đính kèm tài liệu chứng minh.	Không đạt
2	Mức độ đáp ứng về số lượng, chủng loại, xuất xứ, quy cách, chất lượng hàng hóa	Đáp ứng về số lượng, chủng loại, xuất xứ, quy cách, chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT	Đạt
		Không đáp ứng về số lượng, chủng loại, xuất xứ, quy cách, chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT	Không đạt
3	Điều kiện vệ sinh thú y	Cơ sở chăn nuôi phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y với danh mục con giống mời thầu còn hiệu lực.	Đạt
		Không đáp ứng hoặc không đính kèm tài liệu chứng minh	Không đạt
4	Yêu cầu chất lượng con giống	- Con giống được chăn nuôi trong môi trường, điều kiện khí hậu phù hợp với nơi thực hiện gói thầu. - Có bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của cơ sở sản xuất con giống và con giống cung cấp có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn đã được công bố. - Có sổ theo dõi nuôi, tiêm phòng, chăm sóc (<i>Nhà thầu đính kèm tài liệu chứng minh đáp ứng các yêu cầu trên</i>)	Đạt
		Không đáp ứng hoặc không đính kèm hoặc đính kèm thiếu tài liệu chứng minh	Không đạt
5	Yêu cầu về tiêm phòng bệnh	Con giống đã được tiêm phòng 03 loại bệnh: LMLM (Lở mồm long móng), Viêm da nổi cục (LSD), Tụ huyết trùng. (<i>Tài liệu chứng minh: Hóa đơn tài chính chứng minh nguồn gốc vắc xin rõ ràng; biên bản giám sát tiêm, Giấy chứng nhận tiêm phòng</i>)	
		Không đáp ứng hoặc không đính kèm hoặc đính kèm thiếu tài liệu chứng minh	
6	Yêu cầu đối với đơn vị cung cấp ngoại tỉnh	- Cơ sở nuôi nằm ngoài vùng có dịch trong 30 ngày gần nhất hoặc có giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật có hiệu lực. - Có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật ra khỏi tỉnh (<i>theo quy định tại Điều 54 Luật Thú y</i>). - Có phiếu xét nghiệm âm tính: LMLM, tụ huyết trùng, viêm da nổi cục, bệnh truyền nhiễm.	Đạt
		Không đáp ứng hoặc không đính kèm hoặc đính kèm thiếu tài liệu chứng minh	Không đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

7	Quy trình hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi.	Có thuyết minh quy trình hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi phù hợp với con giống cung cấp.	Đạt
		Không có thuyết minh quy trình hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi hoặc có nhưng không phù hợp với con giống cung cấp.	Không đạt
8	Kiểm tra, giám sát trong thời gian cung cấp con giống và trong thời gian chăn nuôi	- Cam kết cử cán bộ có chuyên ngành về chăn nuôi hoặc thú y đến hướng dẫn người dân khi nhận con giống. - Cam kết tổ chức 01 buổi tập huấn (<i>tập trung</i>) về kỹ thuật chăn nuôi cho các hộ dân nhận con giống. - Cam kết cử cán bộ giám sát, kiểm tra tình hình chăn nuôi của các hộ dân 01 lần/tuần và không ít hơn 04 lần kể từ ngày cấp con giống.	Đạt
		Nhà thầu không cam kết hoặc cam kết không đáp ứng các yêu cầu trên.	Không đạt
9	Tiến độ cung cấp hàng hóa	- Không được lớn hơn thời gian yêu cầu tại Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa.	Đạt
		- Đề xuất về thời gian giao hàng lớn hơn thời gian yêu cầu tại Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa.	Không đạt
10	Phương án kỹ thuật và biện pháp thực hiện.	- Phương án nuôi dưỡng trước giao (Mô tả chi tiết khẩu phần, quy trình chăm sóc) - Phương án phòng bệnh (Có lịch tiêm phòng; biện pháp giám sát sức khỏe); - Phương án ứng phó dịch bệnh (Quy trình xử lý khi phát hiện bệnh; phối hợp thú y địa phương); - Phương án vận chuyển (Thời gian, tuyến đường, kiểm dịch, khử trùng)	Đạt
		Không thuyết minh đầy đủ các nội dung trên hoặc thuyết minh không đạt yêu cầu.	Không đạt
11	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 60 ngày; - Thay thế bò chết: Thay thế 1:1 nếu bò chết do các bệnh đã tiêm phòng bắt buộc trên có sẵn hoặc không phát hiện trong quá trình kiểm dịch. - Hỗ trợ kỹ thuật: Hỗ trợ thú y & hướng dẫn chăm sóc trong thời gian bảo hành.	Đạt
		Nhà thầu không cam kết hoặc cam kết không đáp ứng các yêu cầu trên.	Không đạt
Kết luận:		Đáp ứng tất cả các tiêu chí	Đạt
		Không đáp ứng tất cả các tiêu chí	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất²:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Không áp dụng.